

KẾ HOẠCH**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

b) Xác định rõ nội dung, xây dựng lộ trình tổ chức triển khai các chương trình, dự án gắn với nguồn lực để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

c) Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

d) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

đ) Quá trình phát triển đảm bảo tính bền vững, không tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời đảm bảo quốc phòng, an ninh và khu vực phòng thủ.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU**1. Về dự án đầu tư công**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án lớn, quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển nhưng không huy

động được nguồn lực xã hội hóa, bảo đảm đồng bộ, hiện đại; đầu tư hạ tầng đến vùng sản xuất hàng hóa tập trung; hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu và các khu, cụm công nghiệp; hạ tầng văn hóa xã hội; quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là chuỗi đô thị theo trục động lực và các vùng kinh tế đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và bền vững.

(Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

2. Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên như: Hạ tầng giao thông; khu kinh tế; khu, cụm công nghiệp; công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản (nhất là đất hiếm); các khu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tập trung, các dự án chế biến nông lâm sản; nguồn điện và lưới điện; hạ tầng logistics, hệ thống bến cảng đường thủy nội địa, cảng cạn; khu đô thị; khu, điểm du lịch; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ...

(Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo)

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025

Tổ chức thực hiện việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 căn cứ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030

Tổ chức xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030 theo quy định của pháp luật về đất đai, trên cơ sở khai thác hiệu quả, hợp lý tài nguyên đất đai cho nhu cầu phát triển, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, bền vững, phù hợp với định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

4. Nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hàng năm đạt khoảng từ 9 đến 11% trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Lai Châu cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 168 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1. Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	36% (tương đương 21 nghìn tỷ)	31% (tương đương 34 nghìn tỷ)
2. Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	64% (tương đương 37 nghìn tỷ)	69% (tương đương 76 nghìn tỷ)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

b) Tổ chức triển khai nghiên cứu, rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, sáng tạo đồng thời với việc nghiên cứu, xây dựng, triển khai các đề án, kế hoạch, cơ chế chính sách trên tất cả các ngành, lĩnh vực (trong đó tập trung vào phát triển Sâm Lai Châu, sản phẩm có ưu thế, sản phẩm chủ lực của tỉnh, phát triển hàng hóa tập trung, rừng bền vững, giáo dục đào tạo, đô thị, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công...) để triển khai thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tỉnh.

c) Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch hết hiệu lực, quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án, kế hoạch thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu, xây dựng, triển khai chương trình, chính sách hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư.

b) Tăng cường tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền, kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

c) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tập trung thu hút vốn để phát triển các ngành trụ cột của tỉnh như: Công nghiệp thủy điện, chế biến đất hiếm, chế biến nông lâm thủy sản; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; kinh tế biên mậu; phát triển các khu du lịch; phát triển các vùng nông lâm nghiệp hàng hóa tập trung, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm nông nghiệp sạch, phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Mắc ca, chè, sâm Lai Châu các sản phẩm OCOP đặc hữu... phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, nhất là chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp.

b) Đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động, xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo phù hợp với đặc thù của tỉnh, nâng cao toàn diện chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp; tăng cường đầu tư, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục đào tạo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề, đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát huy nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển; xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm, trong đó tập trung ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế của tỉnh.

d) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp, các ngành trong thực thi nhiệm vụ công vụ. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp thông qua các chương trình, dự án.

4. Về khoa học công nghệ

a) Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ vào các ngành kinh tế trụ cột của tỉnh theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới.

Xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; chú trọng công tác xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc... để nâng cao giá trị sản phẩm, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo. Tăng cường ứng dụng, cải tiến, đổi mới công nghệ góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Đầu tư ngân sách để nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn; tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học và công nghệ khai thác các nguồn vốn hợp pháp trong công tác nghiên cứu, đào tạo.

5. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, chất gây ô nhiễm môi trường, nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp; các cơ sở khai thác chế biến khoáng sản;...

6. Bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc.

b) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ưu tiên cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo bền vững. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ trợ giúp xã hội.

c) Đẩy mạnh công tác dân tộc, quản lý hoạt động của các tôn giáo theo quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng của tỉnh; không đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ.

b) Chủ động phối hợp với các bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng, an ninh... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của bộ, ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn cho đầu tư phát triển.

c) Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu đã đề ra, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp huy động tối đa nguồn thu, phấn đấu tăng thu ngân sách để đảm bảo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật.

d) Ưu tiên thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông lâm sản, phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở cập nhật, liên thẩm chặt chẽ với Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu:

a) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 4286/TTr- UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh; quán triệt và giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.